

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 658/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-05-2024.  
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phạm Thị Ngọc.
- Bà Nguyễn Phước Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 31 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2024/QĐST-HNGĐ ngày ngày 13 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, Thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường K, tổ C, ấp S, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/01/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn ông Lê Văn D trình bày:

Ông và bà Phạm Thị M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2005. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không cùng chung tiếng nói, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nên ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị M.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M1, sinh năm: 1999 và Lê Thị Diễm P, sinh năm: 1993. (tất cả đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Bị đơn bà Phạm Thị M vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê Văn D và bà Phạm Thị M là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thái B cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn D và bà Phạm Thị M có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 84/2005 ngày 11/07/2005, đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông D nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông D nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, ông D không còn tình cảm với bà M nên yêu cầu được ly hôn với bà M.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị M không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với ông D nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông D với bà M chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M1, sinh năm: 1999 và Lê Thị Diễm P, sinh năm: 1993. (tất cả đã trưởng thành).

[5] Về tài sản chung: Ông D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông D tự nguyện chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn D là được ly hôn với bà Phạm Thị M.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 84/2005 ngày 11/07/2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Văn D và bà Phạm Thị M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Diễm M1, sinh năm: 1999 và Lê Thị Diễm P, sinh năm: 1993. (tất cả đã trưởng thành).

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Lê Văn D chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2023/0019102 ngày 18/01/2024 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- UBND xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng Ngọc**